

SINH KẾ CỦA NGƯỜI MẠ Ở NAM TÂY NGUYÊN - ĐÔNG NAM BỘ HIỆN NAY

**NGUYỄN ĐĂNG HIỆP PHÓ
TRƯƠNG QUANG ĐẠT**

Sau năm 1975, các chính sách của Nhà nước đã làm thay đổi đáng kể cuộc sống của người dân ở khu vực Tây Nguyên - Đông Nam Bộ, đặc biệt là các dân tộc thiểu số tại chỗ, trong đó có người Mạ. Thay đổi lớn nhất của người Mạ trong hơn 20 năm qua chính là sinh kế, khi mà việc “chặt cây, đốt rừng làm rẫy” đã bị cấm và các hoạt động khai thác sản phẩm từ rừng dưới hình thức săn bắt, hái lượm cũng bị hạn chế tối đa. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu những thay đổi trong mưu sinh của người Mạ - cư dân tại chỗ lâu đời tại địa phương, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững là một yêu cầu cấp bách. Nghiên cứu này có mục đích tìm hiểu những biến đổi sinh kế của người Mạ ở Tây Nguyên - Đông Nam Bộ hiện nay dưới những tác động của các chính sách nhà nước.

Từ khóa: Chính sách, sinh kế, người Mạ, Nam Tây Nguyên, Đông Nam Bộ

Nhận bài ngày: 11/7/2016; *đưa vào biên tập:* 20/7/2016; *phản biện:* 5/10/2016; *duyet đăng:* 6/12/2016

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Người Mạ là một trong 54 dân tộc ở Việt Nam. Về dân số, người Mạ đứng thứ 28/54 dân tộc. Về ngôn ngữ, người Mạ thuộc ngữ hệ Nam Á, nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer, tiểu nhóm Mnông cùng với các dân tộc Mnông, Kơ ho, Stiêng, Chơ ro (Viện Dân tộc học: 1984). Trải qua nhiều diễn tiến lịch sử và những cảnh huống xã hội, ngày nay người Mạ cư trú chủ yếu ở các huyện Bảo Lâm, Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên thuộc tỉnh Lâm Đồng và một bộ phận cư trú ở huyện Định

Quán, Tân Phú tỉnh Đồng Nai. Truyền thống sinh kế của người Mạ là “làm rẫy, ăn rừng và uống nước trời”. Họ cư trú theo từng làng gồm những dòng họ cùng chung sống trong những khu nhà dài với già làng đóng vai trò thủ lĩnh. Tuy nhiên, trong những thập kỷ gần đây hoạt động sinh kế của người Mạ có những biến đổi sâu sắc do tác động của nhiều yếu tố như môi trường, tôn giáo, khoa học công nghệ, giao lưu văn hóa giữa các tộc người... Quá trình hiện đại hóa xã hội của người Mạ diễn ra cùng với sự chuyển đổi từ nền nông nghiệp tự cấp, tự túc và trao đổi phi hàng hóa, phi lợi nhuận, phi tiền tệ trước đây sang nền nông nghiệp hàng hóa, làm thuê, làm mướn

* Trường Đại học Đồng Nai.

** Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

và trao đổi, mua bán, tính công lao động bằng tiền theo nền kinh tế thị trường.

Từ trước đến nay có khá nhiều nghiên cứu đề cập đến sinh kế của người Mạ ở khu vực Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ⁽¹⁾. Tuy nhiên, vẫn chưa có những phân tích, đánh giá, lý giải thấu đáo sự biến đổi cũng như sự thích ứng về sinh kế của người Mạ ở Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ trong điều kiện và hoàn cảnh mới, và sự tác động của nó đối với vấn đề phát triển bền vững hiện nay của tộc người.

Nghiên cứu này đi sâu tìm hiểu những biến đổi trong hoạt động sinh kế của người Mạ dưới một khía cạnh thời sự: tác động của các chính sách của Nhà nước và những ảnh hưởng của nó đến phát triển bền vững.

Nghiên cứu này được hoàn thành dựa trên nguồn tư liệu của tác giả, được thực hiện bằng các phương pháp phỏng vấn và quan sát tham dự tại ba xã là Tà Lài (huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai), xã Đồng Nai Thượng (huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng) và xã Lộc Bắc (huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng), trong hai tháng 9 - 10/2015. Đối tượng được chúng tôi phỏng vấn đa dạng về độ tuổi, giới tính, điều kiện kinh tế... kể cả những người quản lý ở địa phương. Tuy nhiên, đối tượng phỏng vấn chính là những người cao tuổi. Bên cạnh tư liệu điền dã, nghiên cứu này còn sử dụng các tài liệu thứ cấp, gồm các báo cáo của Ủy ban Nhân dân tại các xã đến khảo sát.

2. CÁC CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, Việt Nam là một trong những nước có các chính sách tích cực dành cho các dân tộc thiểu số, được thể hiện trong nhiều văn bản pháp luật. Sau năm 1975, ở khu vực Tây Nguyên, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách phát triển kinh tế - xã hội có tác động không nhỏ đến đời sống văn hóa và sinh kế của đồng bào các dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có người Mạ ở Tây Nguyên - Đông Nam Bộ:

Trước hết, Tây Nguyên - Đông Nam Bộ cũng nằm trong chính sách chung đối với miền Nam sau năm 1975, đã được Nghị quyết Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam (ngày 20/12/1976) xác định: “Ở miền Nam, xóa bỏ triệt để quyền chiếm hữu phong kiến về ruộng đất và những tàn tích bóc lột phong kiến; quốc hữu hóa những cơ sở công thương nghiệp... tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa. Xây dựng kinh tế quốc doanh lớn mạnh. Đi đôi với cải tạo quan hệ sản xuất, cần sắp xếp lại lực lượng sản xuất cho hợp lý... Chuyển một khối lượng lớn lao động nông nghiệp từ những vùng đông dân tới những vùng thưa dân để tạo thêm đất canh tác... Sử dụng tốt lực lượng quân đội nhân dân trong công cuộc xây dựng kinh tế”.

Từ năm 1978 đến 1990, chính sách đưa dân từ các tỉnh phía Bắc (như

Thái Bình, Ninh Bình, Bắc Cạn...), các tỉnh Trung Bộ (như Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bình Định,...) vào các tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai xây dựng vùng kinh tế mới được thực hiện. Người Kinh đã trở thành thành phần cư dân chính trong cơ cấu dân số ở Tây Nguyên - Đông Nam Bộ, tiếp đến là các dân tộc thiểu số từ các tỉnh phía Bắc như Tày, Nùng, Dao. Nhóm dân tộc thiểu số tại chỗ Mạ, Stiêng, Chơ ro, Mnông... trở thành nhóm tộc người có số dân thấp nhất trong vùng. Chính sách tái bố trí lực lượng lao động và dân cư này là chính sách có tác động mạnh nhất, làm thay đổi mạnh mẽ đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của các tộc người thiểu số tại chỗ.

Đi đôi với chính sách di dân, Nhà nước cũng triển khai ở Tây Nguyên chính sách định canh, định cư kết hợp với hợp tác hóa đối với đồng bào còn du canh, du cư - một chính sách đã từng được thực hiện trước năm 1975 ở vùng rừng núi phía Bắc. Chính sách này nhằm khắc phục tình trạng chặt phá rừng, kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các cơ sở sản xuất (lâm trường, thủy lợi, thủy điện, đường sá) để phát triển Tây Nguyên.

Khi chuyển đổi nền kinh tế từ tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường, Đảng và Nhà nước tiếp tục ban hành nhiều chính sách lớn liên quan đến đất đai và rừng: Chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc, định canh định cư, xây dựng kinh tế mới theo Quyết định 327/HĐBT ngày 15/9/1992; Nghị định số 64/CP ngày 27/3/1993 của

Chính phủ về quy định việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định 02-CP ngày 15/1/1994 về việc giao đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Dự án trồng mới 5 triệu hecta rừng (1998-2005) theo Quyết định 661/1998/QĐ-TT ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 134/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn; Quyết định 178/2001/QĐ-TTg, Quyết định 304/2005/QĐ-TTg về việc tăng cường quản lý bảo vệ và phát triển rừng (có cả việc cải thiện đời sống của người nhận rừng, nhất là dân tộc thiểu số tại chỗ).

Ngoài ra, nhằm từng bước đưa sản xuất nông nghiệp vùng dân tộc thiểu số và miền núi từ tự cung tự cấp chuyển dần sang sản xuất hàng hóa gắn với thị trường, Nhà nước đã thực hiện hàng loạt các chương trình như giao đất, khoán hộ, đầu tư hạ tầng, trợ giá giống cây trồng, vật nuôi, chuyển giao áp dụng tiến bộ kỹ thuật... góp phần bảo vệ diện tích rừng, tăng hiệu quả sử dụng diện tích đất trống đồi trọc, tạo thêm việc làm cho người lao động...

Bên cạnh đó Nhà nước cũng triển khai các chính sách hỗ trợ hộ dân tộc đặc biệt khó khăn ở Tây Nguyên: Chương trình hỗ trợ các dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn⁽²⁾; Chương trình

mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo⁽³⁾; Chương trình phát triển kinh tế - xã hội cho những xã đặc biệt khó khăn ở vùng núi và vùng sâu, vùng xa⁽⁴⁾; Chương trình định canh định cư và Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng sâu vùng xa⁽⁵⁾; Chương trình hỗ trợ giá và hỗ trợ đi lại; Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã miền núi, vùng cao; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012-2015⁽⁶⁾; Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn⁽⁷⁾ ...

3. THỰC TRẠNG BIẾN ĐỔI CÁC HOẠT ĐỘNG SINH KẾ CỦA NGƯỜI MẠ

3.1. Biến đổi về không gian sinh tồn

Đối với người Mạ ở khu vực Tây Nguyên, không gian sinh tồn là không gian và môi trường sống của tộc người, trong đó tổ chức xã hội buôn làng (bon), đất đai và rừng là nền tảng cho việc định hình và tồn tại của các thực hành văn hóa, tín ngưỡng và hoạt động mưu sinh truyền thống. Trước đây vùng người Mạ sinh sống chưa có hình thức sở hữu Nhà nước về rừng. Đối với người Mạ, rừng là ngôi nhà chung rộng lớn, thuộc sở hữu chung của cả cộng đồng. Loại hình canh tác nông nghiệp phổ biến của người Mạ là làm rẫy trên cơ sở sở hữu cộng đồng về vùng đất, vùng lãnh thổ được khai thác để canh tác. Những quan niệm về sự sở hữu của cộng đồng trên một địa vực xác định bao giờ cũng rõ ràng và nghiêm ngặt,

buôn làng là chủ sở hữu tập thể đối với toàn bộ lãnh thổ của mình. Đặc biệt, quan niệm về sở hữu chung của buôn làng đối với địa vực sinh tụ của họ càng trở nên nghiêm ngặt và thiêng liêng hơn bởi nó được lồng ghép với tín ngưỡng thần đất: “Đất của làng nào có thần đất của làng ấy, mà thần đất là chủ sở hữu tối thượng, tuy vô hình nhưng lại quyền năng – kể cả đối với những chủ sở hữu thực tế là dân làng... Những mốc giới đất đai của buôn làng cũng được lưu truyền qua nhiều thế hệ và trách nhiệm của mọi thành viên trong buôn làng là bảo vệ bất cứ giá nào các ranh giới truyền thống này. Đó vừa là nghĩa vụ, vừa là danh dự của mọi người. Đất đai của buôn làng mang một ý nghĩa rất linh thiêng đối với người Mạ và không ai ở ngoài làng được xâm phạm. Thậm chí, trước đây, đất rẫy cũng không thuộc sở hữu tư nhân mà do làng giao đất cho cá nhân hoặc gia đình để canh tác tạm thời. Dù vậy, trong cuộc sống, quyền sở hữu cá thể được công nhận, được tôn trọng hoàn toàn và có luật tục bảo vệ” (Lưu Hùng 1994: 92). Bối cảnh xã hội đó diễn ra khi dân số trong vùng còn ít, nguồn tài nguyên thiên nhiên ở vùng người Mạ còn khá dồi dào đủ để đáp ứng nhu cầu của con người. Cuộc sống của người Mạ thời kỳ này phụ thuộc rất nhiều vào việc khai thác các nguồn lợi từ rừng, đất đai, hệ thống sông ngòi và hàng trăm bàu nước ngọt, cung cấp cho họ nguồn nước tưới, nguồn thủy hải sản và lâm sản dồi dào.

Tuy nhiên, từ sau năm 1975, khi các chính sách của Nhà nước được triển khai, không gian sinh tồn của người Mạ hoàn toàn thay đổi. Thực hiện chính sách định canh định cư, kết hợp với hợp tác hóa đối với đồng bào còn du canh, du cư, nhằm khắc phục tình trạng chặt phá rừng làm nương rẫy, địa bàn cư trú của người Mạ bị dịch chuyển từ nơi cư trú gốc đến những khu vực định cư do Nhà nước bố trí. Bên cạnh đó, Nhà nước tiến hành xây dựng các cơ sở sản xuất (khai hoang, thâm canh, thủy lợi nhỏ, trồng cây công nghiệp, trồng rừng...), xây dựng cơ sở hạ tầng, di dân phát triển vùng kinh tế mới... Từ 1980, sau khi các khu dân cư kinh tế mới được thiết lập, làn sóng di cư ồ ạt ở các nơi đổ về Tây Nguyên - Đông Nam Bộ. Gặp khó khăn do sự thay đổi môi trường sống và cũng để tránh những xung đột với các cộng đồng dân cư mới đến, một bộ phận đáng kể các hộ gia đình người Mạ đã di dời lại vào trong rừng sâu để sinh sống. Nhiều buôn làng dù được vận động định canh định cư, nhưng từ năm 1975 đến nay vẫn tiếp tục di dời nhiều lần và điều đó gây ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sinh kế của họ. Trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, năm 1977 Nhà nước đã tiến hành di dời 22 làng người Mạ cư trú rải rác trên núi cao gồm hơn 300 hộ với gần 1000 người về định cư dọc sông Đạ The lập nên xã Đạ Tẻh; và có hơn 171 hộ với 948 nhân khẩu người Mạ sống trong vùng kháng chiến cũ được di dời về vùng trảng Singơ lập nên các xã Lộc Lâm, Lộc Bắc, Lộc

Bảo, Lộc Tân, huyện Bảo Lâm ngày nay. Ở Đồng Nai, ấp 4 xã Tà Lài huyện Tân Phú và ấp Hiệp Nghĩa, thị trấn Định Quán, huyện Định Quán là các khu định cư khá ổn định của người Mạ (Huỳnh Văn Tới, Lâm Nhân, Phan Đình Dũng 2013: 34). Để thực hiện định canh, định cư Nhà nước triển khai các chính sách như phát triển kinh tế hộ gia đình, giao quyền sử dụng đất, quyền tự chủ về đất nông nghiệp và đất rừng⁽⁸⁾. Phần lớn diện tích đất nông nghiệp của xã đã được giao cố định cho từng hộ và được chia bình quân theo nhân khẩu (xã Tà Lài có diện tích 26,19 km², 7284 khẩu, mật độ dân số là 278,12 người/km²; xã Lộc Bắc diện tích 264,10 km², 2313 khẩu, mật độ dân số là 8,8 người/km²; xã Đồng Nai Thượng diện tích 144,19km², 3.543 nhân khẩu, mật độ dân số 24,57 người/km²)⁽⁹⁾. Quỹ đất được giao là cố định, tuy nhiên dân số có chiều hướng tăng dần. Trong hầu hết các hộ gia đình người Mạ, đất đai bị chia nhỏ dần khi có thành viên đến tuổi lập gia đình riêng. Vì thế dẫn đến tình trạng thiếu đất sản xuất ở các vùng người Mạ, đặc biệt là các hộ gia đình đông con và các hộ trẻ mới ra ở riêng.

Rừng và đất rừng chiếm phần lớn diện tích đất tự nhiên, trước kia vốn là sở hữu chung của cộng đồng người Mạ và cuộc sống của người dân phần lớn phụ thuộc vào việc khai thác các nguồn lợi từ rừng. Tuy nhiên từ sau khi vườn quốc gia Cát Tiên được thành lập, chương trình giao đất, giao rừng được triển khai, rừng và đất

rừng đa phần đã thuộc sở hữu của lâm trường Nhà nước và vườn quốc gia Cát Tiên. Các hộ gia đình người Mạ được Vườn quốc gia Cát Tiên cấp thêm một số diện tích để canh tác lúa nước và trồng cây công nghiệp, nhưng không đáng kể. Ngoài ra do không đủ quỹ đất, những hộ không có đất được chính quyền hỗ trợ tiền mặt để chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Nhưng số tiền mặt hỗ trợ thường chỉ được người dân dùng giải quyết những khó khăn trước mắt. Như vậy từ khi tái định cư các hộ gia đình người Mạ không có nhiều diện tích đất đai để canh tác nương rẫy hay trồng lúa nước. Bên cạnh đó, việc di dân từ nơi khác đến cùng với việc khai thác một cách thiếu ý thức đã khiến tài nguyên rừng bị tàn phá nặng nề. Nguồn sản vật từ rừng, vốn là nguồn sinh kế trước đây cho người Mạ giờ đã suy kiệt, không còn khả năng đáp ứng các nhu cầu lương thực, thực phẩm của con người. Sự suy giảm chất lượng cũng như diện tích đất rừng còn tác động đến các hoạt động sinh kế, văn hóa khác như chăn nuôi, thủ công gia đình.

3.2. Biến đổi các hoạt động sinh kế

+ *Thay đổi cây trồng trên nương rẫy*

Nương rẫy (mir) là ngành trồng trọt quan trọng nhất và là nguồn cung cấp chính về lương thực cho đời sống của người Mạ. Rẫy của người Mạ là rẫy đa canh. Ngoài lúa là cây trồng chính, người ta còn trồng xen kẽ các loại bầu bí, cà, kê, ớt... Ngoài ra người Mạ còn trồng xen kẽ một vài loại cây dùng cho

nghề dệt như bông, vải, chàm, nghệ và nhiều thứ cây thuốc nhuộm khác.

Trước đây, do rừng còn nhiều, mỗi mảnh rẫy người Mạ chỉ canh tác một đến hai năm rồi bỏ hóa. Do đất rộng nên thời gian bỏ hóa rẫy của người Mạ khá dài, từ 15 đến 30 năm tùy mật độ dân số từng nơi. Khoảng thời gian khá dài này đủ để đất hồi sinh, đặc biệt do điều kiện thiên nhiên thuận lợi (đất rộng, mưa nhiều...) nên rừng tái sinh mạnh. Do vậy, nghề rẫy của người Mạ có thể đảm bảo cuộc sống.

Nhưng hiện nay diện tích đất rẫy của người Mạ đã bị thu hẹp. Người Mạ buộc phải thay đổi lại cơ cấu cây trồng cho phù hợp. Họ chuyển sang trồng các loại cây công nghiệp (cà phê, tiêu, điều, chè, ca cao, sắn); cây ăn trái (bơ cao sản, sắn, măng cụt, mít nghệ, chuối laba). Được sự hỗ trợ giống cây trồng, vật tư và kỹ thuật canh tác của Nhà nước, người Mạ ở các xã Đồng Nai Thượng, Lộc Bắc đã trồng trên diện rộng các loại cây cà phê, tiêu, điều, cao su, chè, dâu tằm. Riêng ở xã Tà Lài do đất đai ở đây bạc màu nên người dân chỉ trồng điều trên đất rẫy vì chi phí đầu tư thấp, không tốn nhiều công chăm sóc. Tuy nhiên, hiện nay do hạn hán kéo dài, nguồn nước tưới khó khăn, đầu ra sản phẩm bấp bênh nên một số người Mạ đã thay bằng các giống mới như cà phê vối, cà phê cao sản, điều cao sản. Đến năm 2014, xã Đồng Nai Thượng đã chuyển đổi khá lớn những vườn điều kém hiệu quả sang các loại cây có giá trị kinh tế (diện tích cao su là 300ha,

cây cà phê là 350ha, điều là 500ha) (Ủy ban Nhân dân xã Đồng Nai Thượng 2015). Bên cạnh đó người dân còn tiến hành trồng xen canh cây ca cao và cao su trên rẫy điều, hoặc dành một số diện tích trồng các loại cây ăn trái như chuối laba, mít nghệ, bơ cao sản, măng cụt. Riêng tại xã Lộc Bắc trong những năm gần đây, do nhu cầu uống chè lá tươi ở các thành phố tăng cao, nên việc trồng chè đem lại cho bà con nguồn thu nhập khá ổn định. Với thời gian thu hoạch ngắn (2 tuần), giá bán chè lá tại rẫy là 4.000đồng/1kg, tiền bán chè giúp bà con giải quyết những khó khăn trước mắt, chẳng hạn như mua các nhu yếu phẩm cho sinh hoạt trong gia đình. Tuy nhiên khó khăn lớn nhất của người Mạ ở khu vực này là tình trạng hạn hán ngày càng nghiêm trọng hơn.

Hiện nay bà con thực hiện việc chuyển đổi cây trồng theo chủ trương của nhà nước như trồng cây cà phê, chè và điều. Bà con trồng chè xen canh trên diện tích cà phê, trong khi cây cà phê ở giai đoạn phát triển bà con có thể thu hái chè lá bán để có tiền trang trải. Thiếu nguồn nước tưới nên diện tích cà phê và chè chết khô trên rẫy khá nhiều, mà nguồn thu từ việc bán chè lá và điều là nguồn thu nhập chính của bà con. (Chị Ka Hương, xã Lộc Bắc).

+ Canh tác ruộng nước

Trước đây canh tác lúa trên ruộng nước không phải thế mạnh của người Mạ, nguồn lương thực chủ yếu dựa

vào lúa rẫy. Tuy nhiên hiện nay, diện tích cây lúa rẫy giảm, dân số ngày càng gia tăng, nên việc tăng diện tích ruộng nước đang là một giải pháp về lương thực. Khi thực hiện dự án tái định cư, Ủy ban Nhân dân xã Đồng Nai Thượng, huyện Cát Tiên có quy hoạch 25ha diện tích đất trồng lúa nước 3 vụ cho các hộ người Mạ (Ủy ban Nhân dân xã Đồng Nai Thượng 2015); xã Lộc Bắc tổng diện tích lúa nước trong toàn xã là 31,6 ha tập trung chủ yếu tại Thôn 2 (Ủy ban Nhân dân xã Lộc Bắc 2015); xã Tà Lài có 153ha đất trồng lúa nước (Ủy ban Nhân dân xã Tà Lài 2015). Tuy nhiên người Mạ vốn không thạo canh tác lúa nước, lại thêm ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, hạn hán, nguồn nước tưới không đủ nên năng suất không cao.

Bà con không thạo trồng lúa nước, chi phí mua giống, phân, thuốc nhiều quá. Bà con không có tiền mặt nên thường mua thiếu từ các đại lý. Không nắm được kỹ thuật canh tác nên lúa bị sâu nhiều lắm, có vụ chết khô vì thiếu nước. Từ khi có đập Vàm Hô nguồn nước tưới được cải thiện. Tuy nhiên những năm gần đây hạn hán nghiêm trọng nên nước không đủ cung cấp để trồng ba vụ (Anh K'Yếu, xã Tà Lài).

+ Chăn nuôi

Trước đây, người Mạ sống du canh du cư, không quan tâm nhiều đến chăn nuôi. Hoạt động canh tác nương rẫy truyền thống với lối chọc lỗ tra hạt trên đất dốc không đòi hỏi nhiều về

sức kéo và phân bón của gia súc. Bên cạnh đó, khi rừng còn chưa bị tàn phá nhiều, hoạt động săn bắn có thể đảm bảo nguồn thực phẩm giàu dinh dưỡng cho các bữa ăn hàng ngày. Tuy nhiên, người Mạ vẫn nuôi gà, vịt và đặc biệt là trâu với số lượng không nhiều để phục vụ cho các lễ hiến sinh trong gia đình và cộng đồng, và dùng để trao đổi các nhu yếu phẩm khác phục vụ đời sống.

Từ khi người Mạ tái định cư, bằng nguồn vốn hỗ trợ gia đình dân tộc đặc biệt khó khăn của Chính phủ, Ngân hàng Chính sách huyện đã cho mỗi hộ vay tối đa là 30 triệu đồng, trong thời gian 5 năm, không tính lãi suất. Nhờ nguồn vốn này, một số hộ gia đình lựa chọn việc nuôi trâu, bò để cải thiện cuộc sống. Bên cạnh những giống vật nuôi truyền thống, người Mạ dần làm quen với các loại giống và mô hình chăn nuôi mới như lai sind hóa đàn bò, nạc hóa đàn lợn... Tuy nhiên, giống địa phương vẫn được ưa chuộng hơn do khả năng thích nghi tốt hơn. Đến nay, tổng số gia súc ở xã Lộc Bắc, huyện Bảo Lâm, gồm: đàn trâu 69 con; bò 229 con (gồm 5 con bò cái giống Laisind); dê 322 con; heo 415 con; gia cầm 4181 con (Ủy ban Nhân dân xã Lộc Bắc 2015). Tại xã Đồng Nai Thượng tổng đàn vật nuôi trong năm 2014: ước đạt 6.567 con, trong đó: trâu: 125 con, bò: 105 con, heo: 620 con, gia cầm: 5.641 con, diện tích ao cá: 4,4ha. Ngoài ra Ủy ban Nhân dân xã này còn phát động quỹ "Vì người nghèo", xây dựng mô hình nuôi gà cho 29 hộ (hỗ trợ mỗi hộ nghèo 6 con

gà sinh sản). Hiện nay, gà sinh trưởng, phát triển tốt (Ủy ban Nhân dân xã Đồng Nai Thượng 2015). Tại xã Tà Lài tổng đàn vật nuôi trong năm gồm heo 998 con; bò 188 con; dê 687; gà 5.552 con. Cách thức chăn nuôi gia súc của người Mạ hiện nay chủ yếu là nửa thả rông, nửa chăm sóc. Người Mạ thường thả gia súc ở các vạt rừng và đồi cỏ tự nhiên, thời gian đầu họ cho người canh giữ, một thời gian sau các con vật quen dần họ chỉ cần lừa chúng đến nơi thả đến tối thì lừa về nhà. Trước đây họ chỉ buộc trâu bò vào gốc cây nào đó gần nhà, nhưng hiện nay người Mạ đã biết làm chuồng cho trâu bò để tận dụng nguồn phân bón cho cây. Riêng với đàn dê người Mạ làm chuồng có sàn gỗ cao để tránh cho dê bị ẩm ướt và dọn vệ sinh chuồng mỗi ngày. Heo cũng được nuôi theo lối thả rông trong vườn. Nguồn thức ăn cho heo, ngoài cám còn có các loại rau. Giống heo địa phương vẫn được nuôi phổ biến hơn do không kén thức ăn và được giá hơn khi bán. Công tác phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm trong thời gian gần đây cũng được người Mạ quan tâm. Nhờ có nguồn thu nhập thêm từ chăn nuôi, đời sống người Mạ cải thiện rõ rệt, họ có thể mua sắm các dụng cụ sản xuất như máy cày, máy xới, dụng cụ sinh hoạt như ti vi, xe máy...

+ Khai thác nguồn lợi tự nhiên

Trước đây, người Mạ sống nhờ rừng và rừng là nguồn tài nguyên quan trọng, là nguồn sống cơ bản và lâu đời nhất. Những cánh rừng nơi người

Mạ cư trú thường là vùng rừng nguyên sinh với những thảm thực vật đan xen dày đặc. Việc thu hái các loại cây, củ, quả từ rừng giúp bổ sung một phần lương thực quan trọng cho người Mạ mỗi khi giáp hạt. Cũng như vậy, phần lớn nguồn thực phẩm (thịt, cá, rau, măng,...) trong bữa ăn hàng ngày của họ trước đây cũng có được từ rừng.

Ngoài hoạt động hái lượm, công việc săn bắn và đánh bắt cũng có một vị trí quan trọng trong đời sống của người Mạ. Săn bắn đem lại một nguồn thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, bổ sung cho sự thiếu hụt mà hoạt động chăn nuôi không đáp ứng được. Hoạt động đánh bắt cá và các loài nhuyễn thể của người Mạ diễn ra quanh năm, nhưng thường tập trung những lúc nông nhàn và vào mùa nước. Trước đây địa bàn người Mạ cư trú có hàng trăm bưng, bầu, các con suối nhỏ và hệ thống sông Đạ Đưng, Đạ Bri, Đạ Đờn, La Ngà... cung cấp nguồn thủy sản dồi dào cho người dân. Từ sau khi Vườn quốc gia Cát Tiên thành lập, cùng với sự suy giảm diện tích rừng, trữ lượng các sản vật tự nhiên giảm sút mạnh. Vì thế, hoạt động khai thác các nguồn lợi tự nhiên của người Mạ ở Lâm Đồng hiện nay đã không còn giữ vai trò quan trọng như trước nữa. Sản phẩm hái lượm chỉ còn vài loại rau, măng, sản phẩm săn bắt chủ yếu chỉ là các loài chim, chuột, cá ở những dòng suối nhỏ và những diện tích rừng giao khoán cho người dân.

Với chủ trương giao đất giao rừng của Nhà nước, kinh tế rừng hiện đang là

một hướng làm ăn mới của người Mạ ở Nam Tây Nguyên - Đông Nam Bộ. Mục tiêu chung của những chương trình này là bảo vệ tài nguyên môi trường, đồng thời hỗ trợ bà con phát triển kinh tế hộ gia đình. Với chủ trương này, các hộ gia đình người Mạ đã phát huy được quyền tự chủ trong sản xuất. Trên đất của dự án, người dân trồng các loại cây phù hợp với điều kiện đất đai của địa phương, như: các loại cây lâm nghiệp (phổ biến là trồng keo), cây công nghiệp (chè, cà phê, cao su). Năm 2014, xã Lộc Bắc đã thực hiện công tác giao khoán quản lý bảo vệ rừng cho các hộ dân (ưu tiên người dân tộc thiểu số gốc tại địa phương) với tổng diện tích giao khoán 12.231,25 ha/863 hộ/4 thôn. Năm 2105, xã Tà Lài chi trả dịch vụ môi trường rừng với tổng số tiền là 60.020.000đồng cho 120 hộ dân trong đó có cộng đồng người Mạ tại ấp 4. Trên địa bàn huyện Cát Tiên, Vườn Quốc gia Cát Tiên cũng đã giao khoán 18.672,02ha rừng cho người dân, trong đó có cộng đồng người Mạ ở xã Đồng Nai Thượng (Ủy ban Nhân dân xã Đồng Nai Thượng 2015). Tuy nhiên, do điều kiện tự nhiên cũng như thị trường không ổn định nên việc trồng keo và một số cây công nghiệp khác không đem lại lợi nhuận, thậm chí còn bị lỗ.

+ Nghề thủ công gia đình

Nghề thủ công truyền thống phổ biến của người Mạ là đan lát. Trong khuôn khổ của một nền kinh tế tự cấp tự túc trước đây, các sản phẩm đan lát đáp

ứng nhu cầu về công cụ trong sinh hoạt và sản xuất. Nguyên liệu người Mạ dùng để đan lát bao gồm các loại tre, nứa, mây... sẵn có trên địa bàn cư trú. Các sản phẩm đan lát của người Mạ thường là gùi (kil), giỏ, sọt, nong, nia, rổ, lồng, đó, đụt, dụng cụ đựng cơm khi đi rẫy... Phụ nữ Mạ nổi tiếng với nghề dệt thổ cẩm, đây chủ yếu là công việc của phụ nữ vào thời gian rảnh và thường vào các buổi tối, khi việc nhà đã xong. Nhưng người đàn ông cũng tham gia ở các khâu trồng bông, se sợi. Các sản phẩm từ dệt của người Mạ gồm: khố, khăn, váy, dây quấn đầu, mền... vừa để sử dụng, vừa là một thứ của hồi môn dành cho con gái khi về nhà chồng.

Nghề rèn chỉ có ở một số làng Mạ và mỗi làng cũng chỉ có 1- 2 lò rèn. Thông thường, thợ rèn chủ yếu là sửa chữa nông cụ và gia cụ. Lò rèn của người Mạ khá đơn giản gồm bếp lò và hai ống hơi. Các dụng cụ rèn bao gồm bễ, đe, búa...; nguyên liệu đốt trong khi rèn chủ yếu là than củi. Gia đình nào có những vật dụng sinh hoạt muốn làm lại hoặc sửa chữa (dao, rìu, liềm,...) thường mang đến nhờ ông chủ lò rèn làm giúp. Nghề rèn chủ yếu làm trong lúc nông nhàn, kinh tế từ nghề rèn không phải là nguồn thu nhập chính. Các sản phẩm dệt, đan lát, rèn của người Mạ không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng mà còn được đem trao đổi với các tộc người láng giềng như người Stiêng, Kơ ho....

Sự giao lưu tiếp xúc văn hóa giữa cộng đồng các dân tộc thiểu số với

bên ngoài và nền kinh tế thị trường cũng là những nguyên nhân dẫn đến sự mai một các nghề thủ công truyền thống. Công việc trồng bông, dệt vải vốn phức tạp, tốn nhiều thời gian, công sức, trong khi đó, các sản phẩm bán sẵn xuất hiện ngày càng nhiều với giá cả hợp lý. Vì vậy, nghề dệt không còn vai trò quan trọng đối với phụ nữ Mạ như trước đây, nhất là đối với lớp trẻ. Nghề đan lát truyền thống vẫn được người Mạ duy trì nhưng không còn phổ biến như trước. Hiện nay cùng với việc mở rộng giao thương buôn bán, những sản phẩm nghề thủ công không còn phổ biến ở cộng đồng người Mạ, thay vào đó là hàng vải sợi, may mặc và những công cụ sản xuất của người Việt. Ngoài ra, do nguồn nguyên liệu từ rừng ngày một khan hiếm nên một số sản phẩm cầu kỳ, tốn nhiều nguyên liệu đang dần vắng bóng. Các nguồn lợi từ rừng trở nên cạn kiệt và không còn được khai thác, khiến người Mạ đang mất dần những tri thức, hiểu biết về hệ sinh thái rừng đã được tích lũy qua nhiều thế hệ. Những phương thuốc quý từ các loại cây rừng dùng để chữa bệnh không còn được lưu truyền và đi dần vào quên lãng trong đời sống tộc người. Kết quả khảo sát trong cộng đồng người Mạ ở Tây Nguyên cho thấy việc sử dụng các sản phẩm thiên nhiên để chữa bệnh gần như không còn. Khi bị bệnh người Mạ cũng ra tiệm thuốc tây trong làng hoặc ra trạm y tế xã mua thuốc về uống. Văn hóa cũng là một nguồn lực trong phát triển sinh kế bền vững,

nhưng thực tế cho thấy người Mạ hiện nay chưa tận dụng được nguồn lực này.

Theo chị Ka Rìn cư trú ở ấp 4 xã Tà Lài, một trong những người vẫn còn gìn giữ nghề dệt truyền thống của người Mạ ở xã Tà Lài, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai thì nguyên liệu sợi để tạo ra các sản phẩm dệt hầu hết đều mua ở các đại lý lớn ở Sài Gòn, vì hiện nay rừng bị cấm khai thác, nguồn đất không đủ để sản xuất lương thực, nên việc tạo ra các nguyên liệu cho nghề truyền thống rất khó thực hiện.

+ Làm thuê

Làm thuê là hình thức lao động hoàn toàn mới, chưa hề tồn tại trong ý thức của người Mạ trước đây. Từ bao đời nay cuộc sống của người Mạ vốn chỉ khép kín trong các buôn làng. Nhưng điều kiện kinh tế - xã hội trong vùng nay đã khác. Từ khi tái định cư, được sự hỗ trợ của các Chương trình 134, 135, hệ thống giao thông được cải thiện rõ rệt nối làng của người Mạ với trung tâm xã, huyện. Hơn nữa địa bàn Tây Nguyên thu hút khá nhiều các dự án đầu tư. Vào năm 2014, “so với năm 2007, lượng đầu tư vào Tây Nguyên tăng gần 3 lần trong khi cả nước chỉ tăng 2 lần” (Lê Văn Khoa, Phạm Quang Tú 2014: 249). Các khu công nghiệp tập trung khá nhiều trên địa bàn Tây Nguyên thu hút một lượng lớn công nhân làm thuê trong đó có thanh niên từ các làng Mạ. Tuy nhiên số lượng lao động người Mạ làm việc ở các khu công nghiệp không

cao, vì trình độ học vấn thấp, hầu hết mới học đến lớp 8, 9. Làm thuê nông nghiệp như thu hái cà phê, điều, làm cỏ điều, tỉa cành cà phê, bón phân là những công việc phổ biến của người Mạ sau khi xong việc ở rẫy của mình. Thu nhập từ làm thuê cũng giúp trang trải một phần nào chi phí trong gia đình, đặc biệt đối với những gia đình trẻ thiếu đất canh tác.

+ Trao đổi, mua bán

Người Mạ trước đây hầu như không có chợ. Với nền kinh tế khép kín, tự cấp tự túc trước đây, người Mạ là một trong những tộc người kém phát triển về các hoạt động trao đổi, mua bán. Hoạt động có tính giao dịch của họ thường chủ yếu là đem các lâm thổ sản, một số sản phẩm đan lát hoặc chăn nuôi để đổi lấy các sản phẩm muối, ché của người Việt hay của các tộc người Chơ ro, Mnông, Chăm, Răglai cận cư. Phương thức trao đổi thường là vật đổi vật, do hai bên tự thương lượng với nhau. Các sản phẩm mang ra trao đổi chưa phải là hàng hóa mà chỉ là sản phẩm dư thừa. Việc trao đổi mang tính chất thụ động, thường được người khác tộc đến trao đổi tại nhà nếu có nhu cầu.

Từ khi Việt Nam phát triển kinh tế thị trường, hoạt động buôn bán và trao đổi hàng hóa đã có những tác động lớn tới sinh kế của mọi tộc người trong đó có người Mạ. Một số người Việt đã mở các cửa hàng hoặc các đại lý ở vùng người Mạ. Họ mang đến những hàng hóa tiêu dùng cần thiết ở đây và thu mua nông sản để cung ứng

cho các cơ sở chế biến dưới xuôi. Thị trường ngày càng mở rộng tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiêu thụ sản phẩm và đem lại nguồn thu nhập quan trọng cho người dân. Với khoản tiền có được sau các vụ thu hoạch cà phê, điều hoặc bán trâu (bò), người dân có thể mua sắm các vật dụng cần thiết của gia đình như máy cày, máy xới, xe máy, ti vi... Ngoài ra nguồn thu nhập từ chè lá giúp trang trải nguồn lương thực và những nhu yếu phẩm hàng ngày cho bà con. Thị trường được mở rộng cũng giúp cho người dân tiếp cận được với các sản phẩm mới, như các loại phân hóa học, các loại giống cây trồng và vật nuôi mới làm tăng năng suất và sản lượng. Mặc dù sống cận cư với người Việt, song người Mạ gần như không tham gia vào hoạt động buôn bán. Hầu hết các sản phẩm người Mạ sản xuất được đều bán cho tư thương người Việt ngay tại nhà với giá thấp hơn đáng kể so với giá thị trường.

4. KẾT LUẬN

Từ khi Đổi mới đến nay đã có nhiều chính sách, dự án của Nhà nước được triển khai ở vùng người Mạ dưới nhiều hình thức khác nhau.

Dưới tác động từ phía chính sách của Nhà nước, nguồn lực tự nhiên trong sinh kế của người Mạ hiện nay đã giảm sút mạnh. Không gian sinh tồn và diện tích canh tác thu hẹp dần do cơ chế quản lý rừng của Nhà nước và áp lực gia tăng dân số từ những cuộc chuyển cư ồ ạt từ khắp nơi vào Tây Nguyên - Đông nam Bộ. Tuy nhiên,

tác động tích cực từ các chính sách là đã tạo ra sự tăng trưởng về kinh tế, các hoạt động sinh kế của tộc người Mạ được cải thiện đáng kể và không ngừng được nâng cao. Với chính sách giao đất nông nghiệp năm 1993, quyền làm chủ trên đất của người Mạ đã được khẳng định, tạo điều kiện cho phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp. Cũng nhờ sự hỗ trợ từ các chương trình của Nhà nước và ý chí vươn lên của bản thân tộc người, các nguồn lực sinh kế của người Mạ đang dần được cải thiện.

Chương trình 134, 135 với rất nhiều mô hình được triển khai, như: hỗ trợ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và khuyến công; hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất; hỗ trợ cây giống, vật nuôi, vật tư sản xuất... đã giúp người Mạ đã biết trồng nhiều loại cây mới thay thế dần cây lúa rẫy năng suất thấp. Chăn nuôi hiện nay hiện là một hoạt động chính trong sinh kế và bắt đầu có sản phẩm mang tính hàng hóa. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi vẫn còn gặp nhiều khó khăn như thiếu vốn, thiếu nước, thiếu diện tích nuôi-trồng.

Bên cạnh đó, các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp đang phát triển một cách khó khăn và chậm chạp. Thủ công gia đình duy trì trong tình trạng tự cung ứng một phần nhu cầu trong sinh hoạt, chưa trở thành sản phẩm hàng hóa. Giao lưu trao đổi, buôn bán giữa người Mạ và các tộc người khác bước đầu được cải thiện, người Mạ có thể mua, bán những sản phẩm cần

thiết ngay trên địa bàn cư trú nhưng chưa tạo được thu nhập do thường xuyên bị mua đất, bán rẻ. Người Mạ hiện nay đã có thêm nguồn thu nhập mới từ công việc dịch vụ, làm thuê,... nhưng cũng chỉ góp phần rất nhỏ trong việc giải quyết lao động dư thừa, cải thiện thu nhập.

Những khó khăn trong quá trình chuyển đổi sinh kế của người Mạ ở Tây Nguyên là những cản trở lớn cho sự phát triển bền vững của tộc người. Để giải bài toán khó này, vấn đề xóa đói giảm nghèo cần được đặt ra như một nhiệm vụ then chốt. Hiện tại tỷ lệ hộ đói nghèo ở cộng đồng người Mạ còn cao, rất nhiều hộ gia đình đang có

nguy cơ tái nghèo. Trong khi đó, diện tích ruộng nước không còn có khả năng khai phá, dân số tiếp tục gia tăng, nguồn thu từ cây hoa màu, cây công nghiệp và các hoạt động kinh tế phụ trợ tuy có góp phần giải quyết nhu cầu lương thực, nhưng thiếu tính ổn định lâu dài, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu và tình trạng hạn hán ngày càng nghiêm trọng. Mặc dù người Mạ cũng nhận thức được vai trò của môi trường tự nhiên trong các hoạt động mưu sinh, nhưng khi dân số gia tăng, diện tích canh tác bị thu hẹp, an ninh lương thực chưa đảm bảo, thì vấn đề bảo vệ rừng là bài toán khó cần được giải quyết. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Xem thêm Phan Xuân Biên 1979; (Nguyễn Văn Chánh 2008; Nguyễn Châm, Nông Phêng 1989; Phan Ngọc Chiến 1983; Nguyễn Văn Diệu 1995; Vũ Đình Lợi, Bùi Minh Đạo, Vũ Thị Hồng 2000.

⁽²⁾ Chương trình hỗ trợ các dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn (bắt đầu vào năm 1992).

⁽³⁾ Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 23/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

⁽⁴⁾ Chương trình 135 theo QĐ 135/1998/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 31/7/1998

⁽⁵⁾ Quyết định số 138/2000/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 29/11/2000

⁽⁶⁾ Quyết định số 1489/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 8/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ

⁽⁷⁾ Quyết định số 551/QĐ-TTg, ngày 4/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ

⁽⁸⁾ Nghị định số 64/CP ngày 27/3/1993 của Chính phủ về quy định việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp; Nghị định 02-CP ngày 15/1/1994 về việc giao đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; Luật Đất đai được ban hành năm 1993.

⁽⁹⁾ Báo cáo của Phòng Thống kê các huyện Bảo Lâm, Cát Tiên (tỉnh Lâm Đồng), Tân Phú (tỉnh Đồng Nai) và số liệu *Tổng điều tra dân số và nhà ở* ngày 1/4/1999.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Phan Xuân Biên. 1979. "Những vấn đề dân tộc học vùng Lâm Đồng". *Tạp chí Dân tộc học*, số 2.
2. Nguyễn Văn Chánh. 2008. *Sự biến đổi cơ cấu việc làm của người Châu Mạ trong quá*

trình biến đổi kinh tế xã hội hiện nay: Nghiên cứu trường hợp Định Quán, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, Luận văn thạc sĩ, chuyên ngành Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TPHCM.

3. Nguyễn Châm, Nông Phèng. 1989. “Mười hai năm thực hiện định canh, định cư và tổ chức lại sản xuất theo hướng nông lâm kết hợp ở tỉnh Lâm Đồng”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 4.

4. Phan Ngọc Chiến. 1983. *Nghề rẫy cổ truyền của người Mạ ở Lâm Đồng*. Tư liệu Thư viện Viện Dân tộc học.

5. Nguyễn Văn Diệu. 1995. “Phương thức canh tác truyền thống của các dân tộc thiểu số Lâm Đồng và vai trò giảm thiểu vốn rừng”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 1.

6. Vũ Đình Lợi, Bùi Minh Đạo, Vũ Thị Hồng. 2000. *Sở hữu và sử dụng đất đai ở các tỉnh Tây Nguyên*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

7. Huỳnh Văn Tới, Lâm Nhân, Phan Đình Dũng. 2013. *Văn hóa người Mạ*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Thông tin.

8. Lưu Hùng. 1994. *Buôn làng cổ truyền xứ Thượng*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.

9. Lê Văn Khoa, Phạm Quang Tú (chủ biên). 2014. *Hướng tới phát triển bền vững Tây Nguyên*. Hà Nội: Nxb. Tri thức.

10. Ủy ban Nhân dân xã Đồng Nai Thượng. *Báo cáo chính trị xã Đồng Nai Thượng nhiệm kỳ 2010-2015*.

11. Ủy ban Nhân dân xã Lộc Bắc. *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015*.

12. Ủy ban Nhân dân xã Tà Lài. *Báo cáo chính trị xã Tà Lài nhiệm kỳ 2010-2015*.

13. Viện Dân tộc học. 1984. *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.